

TỔNG CÔNG TY THÀNH AN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 386

Số: 142.../CTCP-TCHC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

1. Tên tổ chức công bố thông tin:

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 386**
- Trụ sở chính: số 116 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 38753 627 Fax: 024 38753 996
- Mã chứng khoán: **TA3**

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Ánh**

- Địa chỉ: Phòng 503, Nhà D2, Khu 7,2ha, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội.
- Điện thoại: 0988831781

- Loại Công bố thông tin: 24h 72h Theo yêu cầu
 Định kỳ Bất thường

2. Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lập Thành An 386 công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán độc lập.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: congtv386.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và xây lập Thành An 386 đã được kiểm toán./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, TCHC; A06.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Đức Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY LẮP THÀNH AN 386**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Giang Văn Lĩnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thường	Thành viên
Ông Vũ Kiên Cường	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Hồng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thăng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thái	Phó Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hữu Pha	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên
Bà Lương Thị Kim Tuyết	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán độc lập kèm theo, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Hồng
Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2021



RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353
F: 024 3795 5252

www.rsm.global/vietnam

Số: 85/2021/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính năm 2019 chưa được kiểm toán và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác không thực hiện được, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của số dư đầu kỳ tại ngày 01/01/2020 được sử dụng như những số liệu so sánh cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020.

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 4.6 "Hàng tồn kho" và Thuyết minh số 4.8 "Nợ quá hạn", tại ngày 31/12/2020, Công ty có một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và các công trình dở dang tồn đọng với số tiền lần lượt là 15.573.116.832 VND và 67.999.214.866 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về các khoản dự phòng cần thiết phải trích lập theo quy định cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2020 chưa được đối chiếu, xác nhận lần lượt là 38.507.179.552 VND và 30.343.073.893 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hoàng Thị Vinh
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2018-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Hoàng Anh Tú
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4413-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		319.311.940.990	344.583.638.954
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	858.269.854	9.302.747.902
1. Tiền	111		858.269.854	9.302.747.902
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228.503.151.004	222.704.447.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	117.648.084.374	109.653.876.006
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	8.925.971.524	11.367.392.828
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	4.4	3.922.663.430	3.922.663.430
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	98.006.431.676	97.760.515.171
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	89.015.766.581	111.786.131.404
1. Hàng tồn kho	141		89.015.766.581	111.786.131.404
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		934.753.551	790.312.213
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	705.941.688	527.080.698
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.9	10.788.125	37.400.393
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	218.023.738	225.831.122
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.695.344.888	23.515.275.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.550.388.185	10.929.060.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	9.543.032.148	10.910.348.445
Nguyên giá	222		33.478.070.134	35.337.231.062
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.935.037.986)	(24.426.882.617)
2. Tài sản cố định vô hình	227		7.356.037	18.711.597
Nguyên giá	228		304.351.670	304.351.670
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(296.995.633)	(285.640.073)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.144.956.703	12.586.215.456
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	12.144.956.703	12.586.215.456
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		341.007.285.878	368.098.914.452

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		312.023.268.366	340.401.681.216
I. Nợ ngắn hạn	310		312.023.268.366	340.401.681.216
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	159.160.307.878	171.727.150.709
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	6.887.630.143	25.965.274.527
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	12.010.850.605	9.574.484.612
4. Phải trả người lao động	314		377.219.976	79.882.620
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		47.500.000	-
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	4.13	415.130.146	369.732.379
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	95.355.453.314	86.874.174.996
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	37.762.994.661	45.804.799.730
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.181.643	6.181.643
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.984.017.512	27.697.233.236
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	28.984.017.512	27.697.233.236
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.099.080.000	23.099.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.099.080.000	23.099.080.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		871.521.815	871.521.815
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.898.651.267	2.898.651.267
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.114.764.430	827.980.154
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		827.980.154	783.814.130
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.286.784.276	44.166.024
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		341.007.285.878	368.098.914.452



Nguyễn Đức Hồng
Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Xuân Thương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Vân
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	160.833.118.554	188.176.750.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		160.833.118.554	188.176.750.216
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	154.284.599.238	179.846.220.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		6.548.519.316	8.330.530.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	249.284.319	203.385.325
7. Chi phí tài chính	22	5.4	83.625.981	579.074.163
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.625.981	579.074.163
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	597.551.421	232.669.928
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	4.677.267.198	6.862.319.554
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.439.359.035	859.851.815
11. Thu nhập khác	31	5.7	790.387.826	449.919.943
12. Chi phí khác	32	5.8	587.718.304	299.388.690
13. Lợi nhuận khác	40		202.669.522	150.531.253
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.642.028.557	1.010.383.068
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	229.883.998	202.076.613
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.412.144.559	808.306.455
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	611	350
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.16.4	611	350



Nguyễn Đức Hồng
Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Xuân Thương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Vân
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.9	1.642.028.557	1.010.383.068
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.438.621.857	1.153.976.899
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(723.902.017)	(203.385.325)
- Chi phí lãi vay	06		4.704.092.422	2.052.507.478
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.060.840.819	4.013.482.120
- (Tăng) các khoản phải thu	09		(5.517.430.810)	(22.229.254.913)
- Giảm hàng tồn kho	10		22.770.364.823	5.568.078.734
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả	11		(23.145.280.751)	22.444.737.196
- Giảm chi phí trả trước	12		262.397.763	1.139.539.657
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.028.587.119)	(2.052.507.478)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(222.076.614)	(283.063.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(819.771.889)	8.601.011.803
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21		(59.950.000)	(3.992.909.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		474.617.698	1.009.090.909
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.431.212	53.460.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		417.098.910	(2.930.357.515)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.15	27.047.741.681	51.109.964.656
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.15	(35.089.546.750)	(53.338.414.087)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(764.140.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.041.805.069)	(2.992.589.862)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(8.444.478.048)	2.678.064.426
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	9.302.747.902	6.624.683.476
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	858.269.854	9.302.747.902



Nguyễn Đức Hồng
Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Xuân Thường
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Vân
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập ngày 29/12/1982 theo Quyết định số 2025/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng, trên cơ sở các đơn vị tiền thân của Đoàn 386 và sát nhập Lữ đoàn 387, XI nghiệp 569. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 tại Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100598520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/12/2007 và lần thay đổi lần 11 gần đây nhất vào ngày 05/7/2018.

Công ty có trụ sở chính tại số 116 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 23.099.080.000 VND; tương đương 2.309.908 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 71 người (tại ngày 01/01/2020 là 68 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (chi tiết: Xây dựng, kinh doanh và chuyển giao (BOT) các dự án khu đô thị, giao thông, thủy điện, nhiệt điện, hạ tầng các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, sân bay, trường học, văn hóa, thể thao, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp đến 110KV);
- Chuẩn bị mặt bằng, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ khác trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với kế hoạch trước điều chỉnh từ đầu năm thì doanh thu và kết quả hoạt động trong năm 2020 của Công ty bị sụt giảm đáng kể.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh, sản xuất chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Theo đó, Công ty được hưởng hỗ trợ giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

236
CỔ
M T
M V
- CH
H
GI

7
TY
AU
LÀ
AN
H.T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và ý kiến của Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho xăng dầu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng, giá gốc của hàng tồn kho liên quan đến xây lắp được xác định theo phương pháp xuất kho thực tế đích danh và đều được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính phù hợp với đánh giá của Ban Giám đốc và ý kiến của Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

789-G
NG T
NH
IN & T
ET M
NHAN
NỘI
Y - TR

HÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí chủ yếu sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Tiền phạt chậm nộp thuế;
- Lãi cho vay phải thu;
- Chi phí quản lý chờ phân bổ;
- Các chi phí trả trước khác.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40
Máy móc, thiết bị	02 – 08
Phương tiện vận tải	03 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.10 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của các công trình và hàng hóa trong năm theo nguyên tắc phù hợp cùng với việc ghi nhận doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

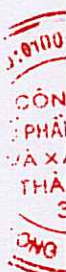
3.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Thuế môn bài; Dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác.

3.13 Chi phí đi vay

Theo Quy chế sản xuất kinh doanh số 1086/QĐ-CTCP ngày 09/9/2014 do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các công trình được phân bổ vào công nợ phải thu của các chủ nhiệm công trình đang sử dụng vốn của Công ty và sẽ được bù trừ với lãi phải thu khi cấp vốn tạm ứng cho chủ nhiệm công trình đó dựa trên hợp đồng giao khoán.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2020, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Ưu đãi miễn thuế, giảm thuế

Trong năm, Công ty được hưởng hỗ trợ giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với xây dựng, hàng hóa và dịch vụ của Công ty cung cấp theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

178
ÔNG
TNH
OÁN
VIỆ
HI NH
HÀ N
IẤY

02
TY
ĐẦU
Y L
H A
36
HIEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	90.810.619	114.759.371
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	767.459.235	9.187.988.531
Cộng	858.269.854	9.302.747.902

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu từ các bên liên quan	1.077.890.201	1.553.207.613
Công ty Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thành An 171 - CN TCT Thành An - Công ty TNHH Công ty Thành An 195 - CN TCT Thành An - Công ty TNHH MTV	665.850.201	1.117.071.613
Xí nghiệp Thành An 115 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An	412.040.000	412.040.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	-	19.200.000
Các khoản phải thu bên thứ ba	116.570.194.173	108.100.668.393
Công ty TNHH Thương Mại Minh Tâm	22.295.945.182	31.702.065.426
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Dương Anh	12.201.722.555	-
Các đối tượng khác	82.072.526.436	76.398.602.967
Cộng	117.648.084.374	109.653.876.006

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	5.223.289.763	5.223.289.763
Công ty Cổ phần Kiến trúc Thủ Đô	950.419.100	950.419.100
Đối tượng khác	2.752.262.661	5.193.683.965
Cộng	8.925.971.524	11.367.392.828

2-001-
TV
H
ĐẦU TƯ VÀ
XÂY LẬP
THÀNH AN
ĐỘI
TP. HÀ NỘI

CHỖ CHỮ KÝ
CHỖ CHỮ ĐÓNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.4 Phải thu nội bộ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Xí nghiệp 35 cũ	3.922.663.430	3.922.663.430
Cộng	3.922.663.430	3.922.663.430

4.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu bên liên quan	6.166.916.548	6.024.413.660
Công ty Thành An 141 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An	6.166.916.548	6.024.413.660
Phải thu bên thứ ba	91.839.515.128	91.736.101.511
Tạm ứng chủ nhiệm công trình	77.822.498.980	78.428.776.259
Phải thu khác	14.017.016.148	13.307.325.252
Cộng	98.006.431.676	97.760.515.171

4.6 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	183.132.500
Công cụ, dụng cụ	74.558.483	77.808.483
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.685.413.236	111.250.146.471
Hàng hóa	255.794.862	275.043.950
Cộng	89.015.766.581	111.786.131.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.6 Hàng tồn kho (tiếp)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Các công trình còn dư từ các năm trước	15.573.116.832	15.573.116.832
Công trình Công an tỉnh Lạng Sơn	3.446.096.311	3.446.096.311
Công trình Ban Quản lý Dự án 963	2.292.447.501	2.292.447.501
Công trình đường tuần tra biên giới Thanh Hóa G11	5.248.175.256	5.248.175.256
Công trình đường tuần tra biên giới Thanh Hóa G8C	3.686.682.968	3.686.682.968
Các công trình khác	899.714.796	899.714.796
Các công trình đang thi công dở dang	73.112.296.404	95.677.029.639
Công trình gói 01 MRQL1 Bình Định	13.195.242.779	13.195.242.779
Bệnh viện Việt Nam - Cuba Đồng Hới	12.418.389.071	12.856.136.491
Các công trình khác	47.498.664.554	69.625.650.369
Cộng	88.685.413.236	111.250.146.471

Các công trình còn dư từ các năm trước chỉ được xử lý sau khi báo cáo và có ý kiến của Hội đồng Thành viên như được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 4.8 "Nợ quá hạn".

4.7 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	694.873.102	-
Chi phí cửa hàng xăng dầu chờ phân bổ	11.068.586	527.080.698
Cộng	705.941.688	527.080.698
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và CCDC	194.265.618	566.681.069
Lãi cho Tổng Công ty 36 vay phải thu từ năm 2010	3.819.286.926	3.819.286.926
Tiền phạt chậm nộp thuế từ năm 2014 về trước	7.107.533.807	7.107.533.807
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	151.453.668	159.320.704
Chi phí quản lý xí nghiệp chờ phân bổ	846.096.882	846.096.882
Các khoản khác	26.319.802	87.296.068
Cộng	12.144.956.703	12.586.215.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Nợ quá hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.103.559.163	8.692.808.185
Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Bình Minh	2.025.549.120	2.025.549.120
Các đối tượng khác	6.078.010.043	6.667.259.065
Phải thu tạm ứng công trình	49.247.070.132	51.312.925.879
Ông Hoàng Xuân Quý	2.543.420.003	2.543.420.003
Ông Nguyễn Đức Bình	1.097.964.891	1.049.501.010
Ông Phạm Nam Giang	12.856.854.178	12.280.544.664
Ông Trần Đức Phong	13.737.532.221	11.392.397.582
Ông Vũ Trọng Thành	10.717.794.184	9.596.108.359
Các đối tượng khác	8.293.504.655	14.450.954.261
Phải thu nội bộ ngắn hạn	3.922.663.430	3.922.663.430
Xí nghiệp 35 cũ	3.922.663.430	3.922.663.430
Phải thu ngắn hạn khác	1.502.632.378	1.502.632.378
Ông Trương Văn Quảng	1.502.632.378	1.502.632.378
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.223.289.763	5.223.289.763
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	5.223.289.763	5.223.289.763
Cộng	67.999.214.866	70.654.319.635

Theo văn bản số 830/TCT-TCLĐ ngày 27/6/2020 của Tổng Công ty Thành An về việc "Tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020", Hội đồng Thành viên đã có ý kiến về việc chỉ tiêu phân phối lợi nhuận sau thuế chỉ được bù đắp giải quyết các khoản tồn đọng sau khi báo cáo và có ý kiến của Hội đồng Thành viên.

Do đó, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng các khoản nợ quá hạn khi chưa được Hội đồng Thành viên cho ý kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 386

Số 116 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.9 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2020		Trong năm		Tại ngày 31/12/2020	
	Số dư	VND	Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	37.400.393		12.922.655.936	12.949.268.204	10.788.125	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	9.574.484.612	13.732.341.211	16.168.707.204	-	12.010.850.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	225.831.122	-	222.076.614	229.883.998	218.023.738	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	28.747.093	28.747.093	-	-
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Cộng	225.831.122	9.574.484.612	13.990.164.918	16.434.338.295	218.023.738	12.010.850.605

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 386

Số 116 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

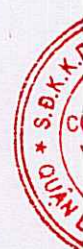
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.10 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	11.022.187.213	17.910.525.413	5.512.206.770	892.311.666	35.337.231.062
Mua sắm	-	-	-	59.950.000	59.950.000
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(328.571.428)	(1.590.539.500)	-	(1.919.110.928)
Tại ngày 31/12/2020	11.022.187.213	17.581.953.985	3.921.667.270	952.261.666	33.478.070.134
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	4.861.873.110	13.814.358.955	4.968.337.888	782.312.664	24.426.882.617
Khấu hao	464.276.680	683.871.100	234.298.853	44.819.664	1.427.266.297
Thanh lý, nhượng bán	-	(328.571.428)	(1.590.539.500)	-	(1.919.110.928)
Tại ngày 31/12/2020	5.326.149.790	14.169.658.627	3.612.097.241	827.132.328	23.935.037.986
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	6.160.314.103	4.096.166.458	543.868.882	109.999.002	10.910.348.445
Tại ngày 31/12/2020	5.696.037.423	3.412.295.358	309.570.029	125.129.338	9.543.032.148

Tại ngày 31/12/2020, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp đảm bảo các khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/153714/HĐTĐ ngày 24/5/2019 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 4.278.791.400 VND (tại ngày 01/01/2020 là 4.771.760.600 VND).

Tại ngày 31/12/2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 15.074.934.287 VND (tại ngày 01/01/2019 là 16.122.523.400 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả bên liên quan	6.472.059.720	7.917.824.898
Ban Điều hành dự án R13 - Tổng Công ty Thành An	1.418.365.638	1.518.365.638
Công ty Đầu tư Kinh doanh BĐS Thành An 171 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An	260.514.662	1.169.840.947
Công ty Thành An 195 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH	4.793.179.420	4.793.179.420
Công ty Thành An 141 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	-	436.438.893
Phải trả người bán bên thứ ba	152.688.248.158	163.809.325.811
Công ty TNHH Bê tông Minh Tâm QT	-	11.484.246.600
Công ty TNHH Thuận Thiên HG	2.510.922.204	14.290.121.763
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Biển Vàng	12.017.744.464	-
Phải trả đối tượng khác	138.159.581.490	138.034.957.448
Cộng	159.160.307.878	171.727.150.709

4.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hớn Quản Công an Tỉnh Lạng Sơn	4.452.793.000	4.452.793.000
Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam	-	5.139.729.791
Đối tượng khác	2.434.837.143	11.839.238.000
Cộng	6.887.630.143	25.965.274.527

4.13 Phải trả nội bộ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Thành An	415.130.146	369.732.379
Cộng	415.130.146	369.732.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.14 Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả các bên liên quan	8.856.704.325	8.204.012.929
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.064.392.973	2.064.392.973
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	542.906.662	396.906.662
Tổng Công ty Thành An	5.909.666.874	5.402.975.478
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	339.737.816	339.737.816
Các khoản phải trả bên thứ ba	86.498.748.989	78.670.162.067
Phải trả tạm ứng chủ nhiệm công trình	42.817.792.197	37.187.189.795
Lãi vay phải trả cá nhân trước năm 2010	11.305.534.433	10.409.107.694
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Bảo - Chuyển nhượng khoản đầu tư dự án BOT	7.248.065.000	7.248.065.000
Bộ Quốc phòng - Tiền thuê đất Quốc phòng	2.840.279.400	2.392.479.000
Chủ nhiệm công trình - Tiền ký cược đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh tế nội bộ	3.806.594.300	4.899.770.891
Ngân sách Nhà nước - Tiền chậm nộp thuế đang làm thủ tục miễn giảm	7.059.901.310	7.139.988.411
Các khoản phải trả khác	11.420.582.349	9.393.561.276
Cộng	95.355.453.314	86.874.174.996

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
Các bên liên quan	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Bên thứ ba	43.804.799.730	27.047.741.681	35.089.546.750	35.762.994.661
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	22.913.781.219	26.947.741.681	30.039.546.750	19.821.976.150
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (ii)	18.891.018.511	-	2.950.000.000	15.941.018.511
Nguyễn Xuân Hải	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Nguyễn Hữu Pha	-	100.000.000	100.000.000	-
Cộng	45.804.799.730	27.047.741.681	35.089.546.750	37.762.994.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/253714/HĐTD ngày 19/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 với giới hạn cho vay ngắn hạn, mở L/C bảo lãnh thanh toán tối đa là 21.250.000.000 VND. Giới hạn bảo lãnh (trừ bảo lãnh thanh toán) tối đa là 38.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Biện pháp đảm bảo: được ghi nhận và thực hiện theo hợp đồng đảm bảo. Đảm bảo bằng 100% số dư tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại BIDV, đảm bảo bằng quyền đòi nợ hợp đồng kinh tế do Ngân hàng tài trợ vốn, đảm bảo bằng doanh thu từ hợp đồng kinh tế và các nguồn thu nhập hợp pháp, cam kết bổ sung tài sản đảm bảo theo yêu cầu của BIDV.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 1169.18.051.5025.TD ngày 10/01/2018 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - chi nhánh Điện Biên Phủ, hạn mức cấp tín dụng 60.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh 80.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh thanh toán 60.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp giai đoạn 2018 - 2019. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 05/01/2019. Lãi suất theo văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng, quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang.

4.16 Vốn chủ sở hữu

4.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND		Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	23.099.080.000	871.521.815	2.898.651.267	783.814.130		27.653.067.212
Lãi trong năm	-	-	-	808.306.455		808.306.455
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	(764.140.431)		(764.140.431)
Tại ngày 31/12/2019	23.099.080.000	871.521.815	2.898.651.267	827.980.154		27.697.233.236
Tại ngày 01/01/2020	23.099.080.000	871.521.815	2.898.651.267	827.980.154		27.697.233.236
Lãi trong năm	-	-	-	1.412.144.559		1.412.144.559
Phân chia lợi nhuận (i)	-	-	-	(125.360.283)		(125.360.283)
Tại ngày 31/12/2020	23.099.080.000	871.521.815	2.898.651.267	2.114.764.430		28.984.017.512

(i) Công ty nộp về Tổng Công ty 60% lợi nhuận từ hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty Việt Tín sau khi đã nộp các khoản thuế theo quy định về điều tiết thu nộp đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc Phòng (Ban hành kèm theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BQP ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
			VND	%	VND	%
Cổ đông sáng lập	23.099.080.000	100	23.099.080.000	100	23.099.080.000	100
TCT Thành An	11.780.530.000	51,00	11.780.530.000	51,00	11.780.530.000	51,00
(Binh đoàn 11)						
CTCP Khoáng sản	3.269.010.000	14,15	3.269.010.000	14,15	3.269.010.000	14,15
và Đầu tư - Vinashin						
Cổ đông khác	8.049.540.000	34,85	8.049.540.000	34,85	8.049.540.000	34,85
Cộng	23.099.080.000	100	23.099.080.000	100	23.099.080.000	100

4.16.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.309.908	2.309.908
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.309.908	2.309.908
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	2.309.908	2.309.908
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.309.908	2.309.908
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	2.309.908	2.309.908
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.16.4 Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.412.144.559	808.306.455
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.309.908	2.309.908
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	611	350

Ghi chú: Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	38.781.304.982	10.036.296.840
Doanh thu cung cấp dịch vụ	792.227.637	2.657.996.288
Doanh thu hợp đồng xây dựng	121.259.585.935	175.482.457.088
Cộng	160.833.118.554	188.176.750.216

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	36.966.500.751	9.563.640.212
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	316.247.982	1.457.188.226
Giá vốn hợp đồng xây dựng	117.001.850.505	168.825.391.643
Cộng	154.284.599.238	179.846.220.081

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	249.284.319	203.385.325
Cộng	249.284.319	203.385.325

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lãi vay	83.625.981	579.074.163
Cộng	83.625.981	579.074.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	343.183.282	136.429.589
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	32.511.930	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	191.399.150	87.436.282
Chi phí khác bằng tiền	30.457.059	8.804.057
Cộng	597.551.421	232.669.928

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.117.584.867	3.257.010.688
Chi phí vật liệu văn phòng	187.354.163	242.347.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.308.528	347.576.448
Thuế và các khoản lệ phí	24.825.854	53.532.642
Chi phí khác bằng tiền	1.999.193.786	2.961.852.440
Cộng	4.677.267.198	6.862.319.554

5.7 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	474.617.698	-
Cho thuê tài sản, công cụ dụng cụ	-	207.685.649
Các khoản khác	315.770.128	242.234.294
Cộng	790.387.826	449.919.943

5.8 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí cho thuê tài sản, công cụ dụng cụ	240.000.000	244.684.145
Các khoản khác	347.718.304	54.704.545
Cộng	587.718.304	299.388.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.642.028.557	1.010.383.068
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh	1.642.028.557	1.010.383.068
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	1.642.028.557	1.010.383.068
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	328.405.711	202.076.613
Thuế được giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	(98.521.713)	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	229.883.998	202.076.613
Thuế TNDN (phải thu) đầu năm	(225.831.122)	(144.844.222)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(222.076.614)	(283.063.513)
Thuế TNDN (phải thu) cuối năm	(218.023.738)	(225.831.122)

5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân công	31.524.924.657	51.928.039.325
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.140.515.439	130.895.634.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	825.711.186	1.093.347.036
Thuế và các khoản lệ phí	24.825.854	53.532.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.547.560.278	-
Chi phí khác bằng tiền	2.739.947.208	2.970.656.497
Cộng	136.803.484.622	186.941.209.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang thuê 05 thửa đất của Bộ Quốc phòng, tiền thuê đất thay đổi hàng năm theo quy định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về ban hành giá các loại đất trên địa bàn, thời hạn thanh toán định kỳ hàng năm, các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang được thể hiện như sau:

Địa chỉ	Diện tích	Thời gian thuê	Mục đích sử dụng
Số 116 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	4.605 m ²	49 năm	Làm trụ sở Công ty, trụ sở Lữ đoàn dự bị động viên
Đường Nguyễn Hoàng Tôn, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, Hà Nội	348 m ²	49 năm	Làm nhà xưởng sản xuất
Đường Hà Huy Tập, huyện Gia Lâm, Hà Nội	1.050 m ²	49 năm	Đóng quân Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 386, Hà Nội
Xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7.351 m ²	49 năm	Đóng quân Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 386, nhà xưởng sản xuất
Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội	10.144 m ²	49 năm	Trung tâm huấn luyện Lữ đoàn 386, nhà xưởng sản xuất

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thành An	Công ty mẹ
Công ty Đầu tư Kinh doanh BĐS Thành An 171 - Chi nhánh	Công ty con cùng công ty mẹ
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Thành An 195 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH Một thành viên	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	Công ty con cùng công ty mẹ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên ban quản lý

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Đầu tư Kinh doanh BĐS Thành An 171 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH	639.150.448	1.539.645.455
Công ty Thành An 195 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH Một thành viên	-	265.581.818
Cộng	639.150.448	1.805.227.273

Mua hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng Công ty Thành An	-	920.811.158
Công ty Đầu tư Kinh doanh BĐS Thành An 171 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH	3.263.788.702	4.499.122.301
Công ty Thành An 195 - Chi nhánh Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH Một thành viên	-	98.461.538
Cộng	3.263.788.702	5.518.394.997

Nghiệp vụ liên quan đến vay và lãi vay

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 Chi phí lãi vay phải trả	146.000.000	146.400.000
Ông Nguyễn Hữu Pha Vay	100.000.000	-
Trả gốc vay	(100.000.000)	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.744.345	-

Giao dịch khác với Tổng Công ty Thành An

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giao dịch chi phí thương hiệu trả về cho Tổng Công ty	748.787.932	920.811.158
Giao dịch lợi nhuận tạm tính phải trả Tổng Công ty	125.360.283	116.272.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Giang Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	196.624.762
Nguyễn Đức Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	202.177.600
Nguyễn Xuân Thái	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	183.297.600
Nguyễn Xuân Thường	Thành viên HĐQT	164.417.600
Vũ Kiên Cường	Thành viên HĐQT	4.257.600
Nguyễn Hữu Pha	Trưởng Ban Kiểm soát	121.800.000
Trần Thị Kim Ngân	Thành viên Ban Kiểm soát	4.257.600
Lương Thị Kim Tuyết	Thành viên Ban Kiểm soát	4.257.600
Nguyễn Văn Thăng	Phó Giám đốc	-
Cộng		881.090.362

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.2 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.4 "Phải thu nội bộ ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.5 "Phải thu ngắn hạn khác";
- Thuyết minh số 4.11 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.13 "Phải trả nội bộ ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.14 "Phải trả ngắn hạn khác";
- Thuyết minh số 4.15 "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hiện nay, tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ và có thể đại dịch COVID-19 sẽ ảnh hưởng tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)


Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Thành An 386 chưa được kiểm toán.




Nguyễn Đức Hồng
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Xuân Thường
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Vân
Người lập

